

**1. MÔN TOÁN 6 – TUẦN 3**

**TIẾT 10 - §7: THỨ TỰ THỰC HIỆN CÁC PHÉP TÍNH**

**Thứ tự thực hiện các phép tính trong một biểu thức**

- ❶ Đối với biểu thức không có dấu ngoặc:
- Nếu chỉ có phép cộng, trừ hoặc chỉ có phép nhân, chia, ta thực hiện các phép tính từ trái sang phải.
  - Nếu có các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, nâng lên lũy thừa thì ta thực hiện phép nâng lên lũy thừa trước, rồi đến nhân và chia, cuối cùng đến cộng và trừ.
- ❷ Đối với biểu thức có dấu ngoặc: Nếu biểu thức có các dấu ngoặc tròn ( ), dấu ngoặc vuông [ ], dấu ngoặc nhọn { } thì ta thực hiện phép tính trong các dấu ngoặc tròn trước, rồi thực hiện phép tính trong các dấu ngoặc vuông, cuối cùng thực hiện phép tính trong dấu ngoặc nhọn.

Ví dụ 1:

- $52 - 8 + 11 = 44 + 11 = 55$
- $60 : 10 \times 5 = 6 \times 5 = 30$
- $10 + 2 \cdot 4^2 = 10 + 2 \cdot 16$   
 $= 10 + 32 = 42$
- $(10 + 17) : 9 = 27 : 9 = 3$
- $\{15 + 2 \cdot [8 - (5 - 3)]\} : 9$   
 $= 15 + 2 \cdot [8 - 2] : 9$   
 $= \{15 + 2 \cdot 6\} : 9$   
 $= \{15 + 12\} : 9 = 27 : 9 = 3$

Ví dụ 2:

- a)  $8 + 36 : 3 \cdot 2$   
 $= 8 + 12 \cdot 2 = 8 + 24 = 32$
- b)  $[1 + 2 \cdot (5 \cdot 3 - 2^3)] \cdot 7$   
 $= [1 + 2 \cdot (5 \cdot 3 - 8)] \cdot 7$   
 $= [1 + 2 \cdot (15 - 8)] \cdot 7$   
 $= [1 + 2 \cdot 7] \cdot 7$   
 $= [1 + 14] \cdot 7 = 15 \cdot 7 = 105$

Luyện tập 1:

- a)  $25 \cdot 2^3 - 3^2 + 125$   
 $= 25 \cdot 8 - 9 + 125$   
 $= 200 - 9 + 125$   
 $= 191 + 125 = 316$
- b)  $2 \cdot 3^2 + 5 \cdot (2 + 3)$   
 $= 2 \cdot 9 + 5 \cdot 5$   
 $= 18 + 25 = 43$

Vận dụng:

- a) Quãng đường người đó đi được trong 3 giờ đầu là:  
 $14 \times 3 = 42$  (km)

Quãng đường người đó đi được trong 2 giờ sau là:  
 $9 \times 2 = 18$  (km)

- b) Quãng đường người đó đi được trong 5 giờ là:  
 $42 + 18 = 60$  (km)

**\* Chú ý:**

Trong một biểu thức có thể có chứa chữ. Để tính giá trị của biểu thức đó khi cho giá trị của các chữ, ta thay thế giá trị đã cho vào biểu thức rồi tính giá trị của biểu thức nhận được.

**Luyện tập 2:**

a) Biểu thức tính diện tích của HCN ABCD là:  $2a^2 + a$  (đvdt)

b)  $a = 3$

$\Rightarrow S_{\text{hcnABCD}} = 2 \cdot 1^2 + 1 = 2 \cdot 1 + 1 = 2 + 1 = 3 \text{ (cm}^2\text{)}$

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn lại toàn bộ nội dung kiến thức đã học từ Bài 1 đến Bài 7.
- Xem trước các bài tập phần Luyện tập chung và Ôn tập chương I.
- Làm trước các bài tập **1.50; 1.52; 1.53; 1.56.**

.....  
**TIẾT 11 + 12 : LUYỆN TẬP CHUNG VÀ ÔN TẬP CHƯƠNG I**

**Bài 1.51 : ( SGK- tr27)**

a)  $3^3 : 3^2 = 3^1$

b)  $5^4 : 5^2 = 5^2$

c)  $8^3 \cdot 8^2 = 8^5$

d)  $5^4 \cdot 5^3 \cdot 5^2 = 5^9$

**Bài 1.52 :**

$S_{\text{tpHHCN}} = (a + b) \cdot 2 \cdot c + 2 \cdot a \cdot b$

Thay  $a = 5$  ;  $b = 4$  và  $c = 3$  vào biểu thức ta được :

$S_{\text{tpHHCN}} = (5 + 4) \cdot 2 \cdot 3 + 2 \cdot 5 \cdot 4 = 9 \cdot 2 \cdot 3 + 2 \cdot 5 \cdot 4 = 54 + 40 = 94$

**Bài 1.53 :**

a)  $110 - 7^2 + 22 : 2 = 110 - 49 + 11 = 61 + 11 = 72$

b)  $9 \cdot (8^2 - 15) = 9 \cdot (64 - 15) = 9 \cdot 49 = 441$

c)  $5 \cdot 8 - (17 + 8) : 5 = 40 - 25 : 5 = 40 - 5 = 35$

d)  $75 : 3 + 6 \cdot 9^2 = 25 + 6 \cdot 81 = 25 + 486 = 511$

**Bài 1.54 : a = 15 267 021 908**

a) Số a có 11 chữ số.

Tập hợp các chữ số của a là  $A = \{ 0 ; 1 ; 2 ; 5 ; 6 ; 7 ; 8 ; 9 \}$

b) Chữ số hàng triệu là 7.

c) Trong a có hai chữ số 1 :

+ Chữ số 1 nằm ở hàng nghìn có giá trị là 1 000.

+ Chữ số 1 nằm ở hàng chục tỉ có giá trị là 10 000 000 000.

**Bài 1.55 :**

a) Số 2 020 là số liền sau của 2 019 , là số liền trước của 2 021.

b) Số liền trước của a là  $a - 1$  ; số liền sau của a là  $a + 1$ .

c) Trong các số tự nhiên, bất cứ số nào cũng có số liền sau. Số 0 không có số liền trước.

**Bài 1.56 :**

a.

$$\begin{array}{r}
 2\ 1\ 7\ 5\ 9 \\
 \times \quad 1\ 8\ 6\ 2 \\
 \hline
 4\ 3\ 5\ 1\ 8 \\
 1\ 3\ 0\ 5\ 5\ 4 \\
 1\ 7\ 4\ 0\ 7\ 2 \\
 2\ 1\ 7\ 5\ 9 \\
 \hline
 4\ 0\ 5\ 1\ 5\ 2\ 5\ 8
 \end{array}$$

b)

$$\begin{array}{r|l} 3789 & 231 \\ \hline 231 & 16 \\ \hline 1479 & \\ \hline 1386 & \\ \hline 93 & \end{array}$$

c)

$$\begin{array}{r|l} 9848 & 345 \\ \hline 690 & 28 \\ \hline 2948 & \\ \hline 2760 & \\ \hline 188 & \end{array}$$

**Bài 1.57 :**

$$\begin{aligned} & 21. [(1245 + 987) : 2^3 - 15 \cdot 12] + 21 \\ &= 21 \cdot [2232 : 8 - 180] + 21 \\ &= 21 \cdot [279 - 180] + 21 \\ &= 21 \cdot 99 + 21 \\ &= 21(99 + 1) \\ &= 21 \cdot 100 = 2100 \end{aligned}$$

**Bài 1.44 :**

Thời gian để Mặt Trời tiêu thụ một lượng khí hydro có khối lượng bằng khối lượng Trái Đất là :

$$6 \cdot 10^{20} : 6 \cdot 10^6 = 10^{14} \text{ (s)}$$

**Bài 1.45 :**

Số tế bào hồng cầu được tạo ra mỗi giờ là :

$$25 \cdot 10^5 \cdot 3600 = 9 \cdot 10^9 \text{ (tế bào)}$$

**Bài 1.58 :**

$$\text{Có } 320 = 45 \cdot 7 + 5$$

=> Nhà trường cần thuê ít nhất  $7 + 1 = 8$  xe để đủ chỗ ngồi cho tất cả học sinh.

**Bài 1.59 :**

a) Tổng số vé cần bán của phòng chiếu phim đó là :  $18 \times 18 = 324$  (vé)

Số vé không bán được tối thứ 6 là :  $324 - 1055000 : 50000 = 324 - 211 = 113$  (vé)

b) Số tiền bán vé thu được ngày thứ 7 là :  $324 \times 50000 = 16200000$  (đồng).

c) Số tiền bán vé thu được ngày chủ nhật là :  $(324 - 41) \cdot 50000 = 14150000$  (đồng)

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn lại toàn bộ nội dung kiến thức đã học.
- Hoàn thành nốt các bài tập còn thiếu trên lớp.
- Tìm hiểu trước chương mới và đọc trước bài mới "**Quan hệ chia hết và tính chất**".

**2. MÔN NGỮ VĂN 6 – TUẦN 3**

**BẮT NẠT (tiếp theo)**

**Tiết 9**

**2. Cụm từ "đừng bắt nạt"**

- Cụm từ "đừng bắt nạt" được lặp lại 7 lần

-> Tác giả sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ nhằm nhấn mạnh, nhắc nhở, thể hiện thái độ phủ định đối với thói xấu bắt nạt của một số người.

**3. Yếu tố hài hước của bài thơ**

- Bắt nạt là một thói xấu có thể gây ra những tổn thương, nỗi sợ hãi, ám ảnh, thậm chí cả những hậu quả nặng nề nhưng bài thơ lại nói chuyện bắt nạt bằng giọng điệu hồn nhiên, dí dỏm, thân thiện: cách nói hài hước, hình ảnh ngộ nghĩnh (*Sao không ăn mù tạt/ Đối diện thử thách đi?; Sao không trêu mù tạt?; Tại sao không học hát/ Nhảy hip-hop cho hay?; Vì bắt nạt dễ lây; Vì bắt nạt rất hôi!...*).

## NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 6 - TUẦN 3

-> Tác dụng của tiếng cười hài hước: không chỉ khiến câu chuyện dễ tiếp nhận mà còn mang đến một cách nhìn thân thiện, bao dung.

### **4. Bài học**

=> Không nên bắt nạt lẫn nhau dù bất cứ hình thức nào. Cần yêu thương, chia sẻ, suy nghĩ tích cực và dành thời vào những việc có ích.

### **III. Tổng kết**

#### **1. Nội dung**

- Bài thơ nói về hiện tượng bắt nạt – một thói xấu cần phê bình và loại bỏ. Qua đó, mỗi người cần có thái độ đứng đắn trước hiện tượng bắt nạt, xây dựng môi trường học đường lành mạnh, an toàn, hạnh phúc.

#### **2. Nghệ thuật**

- Thể thơ 5 chữ.

- Giọng điệu: hồn nhiên, dí dỏm, thân thiện, khiến câu chuyện dễ tiếp nhận mà còn mang đến một cách nhìn thân thiện, bao dung./.

**Tiết: 10, 11, 12**

### **VIẾT**

#### **VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM**

#### **I. Tìm hiểu chung**

##### **1. Yêu cầu với đối bài văn kể lại một trải nghiệm**

- Kể theo ngôi thứ nhất.
- Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ.
- Tập trung vào sự việc đã xảy ra.
- Thể hiện được cảm xúc của người viết.

##### **2. Phân tích bài viết tham khảo**

**\*Học sinh đọc kĩ bài làm của học sinh sau đó tiến hành phân tích bài viết:**

- **Mở bài:** Người kể (xưng “tôi”) theo ngôi thứ nhất giới thiệu chung một câu chuyện đáng nhớ về một người bạn.

- **Thân bài:**

\*Giới thiệu các sự việc chính:

+ Sự việc 1: Ngôi nhà mới của ba mẹ con rất xinh xắn nhưng có nhiều chuột

+ Sự việc 2: Bà ngoại gửi cho ba mẹ con một con mèo mun.

+ Sự việc 3: Ngôi nhà nhỏ đã thay đổi từ khi có mun.

\*Tập trung kể sự việc ấn tượng nhất:

+ Sự việc 4: Một ngày nọ Mun bỏ đi, hai chị em tìm khóc và nhớ Mun.

- **Kết bài:** Người kể bộc lộ cảm xúc buồn vì mất một người bạn.

(Những từ ngữ đã thể hiện cảm xúc: buồn, khóc, chẳng ai quên được Mun, v.v...)

#### **II. Các bước tiến hành (nội dung này thuộc tuần 4)**

### **3. MÔN ANH 6 – TUẦN 3**

#### **UNIT 1: MY NEW SCHOOL**

#### **G. LOOKING BACK & PROJECT**

##### **I. VOCABULARY**

##### **1. Look at the pictures. Write the correct words in the gaps.**

1. uniform    2. pencil sharpener    3. notebook    4. compass    5. calculator    5. Ruler

##### **2. Match the words in A with the words/ phrases in B.**

1. e    2. d    3. b    4. a    5. c

##### **II. GRAMMAR**

##### **3. Complete the sentences with the present simple.**

1. comes    2. don't    3. walks    4. do    5. teaches

**4. Complete the text with the correct form of the verbs in brackets.**

1. Is    2. has    3. walks    4. study    5. likes

**5. Put the adverb in brackets in the correct place in each sentence.**

1. I always remember to do my homework.
2. Nick usually gets good marks in exams.
3. We do not often see a rabbit in town.
4. I rarely read in bed at night.
5. Do you sometimes sing in the shower?

**III. PROJECT (Textbook)**

**UNIT 2: MY HOUSE**

**A. VOCABULARY**

- town house /'taʊn ,haʊs/ (n) : nhà phố
- country house / ,kʌn.tri 'haʊs/ (n) : nhà ở nông thôn
- villa /'vɪl.ə/ (n) : biệt thự
- stilt house /stɪlts ,haʊs / (n) : nhà sàn
- apartment /ə'pɑ:rt.mənt/ (n) : căn hộ
- living room /'lɪv.ɪŋ ,ru:m/ (n) : phòng khách
- bedroom /'bed.ru:m/ /'bed.rʊm/ (n) : phòng ngủ
- kitchen /'kɪtʃ.ən/ (n) : nhà bếp
- bathroom /'bæθ.ru:m/ /'bæθ.rʊm/ (n) : nhà tắm
- hall /hɑ:l/ (n) : phòng lớn
- attic /'æt.ɪk/ (n) : gác mái
- lamp /læmp/ (n) : đèn
- toilet /'tɔɪ.lɪt/ (n) : nhà vệ sinh
- bed /bed/ (n) : giường
- cupboard /'kʌb.ərd/ (n) : tủ chén
- wardrobe /'wɔ:r.droʊb/ (n) : tủ đựng quần áo
- fridge /frɪdʒ/ (n) : tủ lạnh
- poster /'pəʊ.stər/ (n) : áp phích
- chair /tʃeər/ (n) : ghế
- air-conditioner /'eər kən ,dɪʃ.ə.nər/ (n) : máy điều hòa không khí
- table /'teɪ bəl/ (n) : bàn
- sofa /'səʊ.fə/ (n) : ghế trường kỷ, ghế sofa
- behind /bɪ'haɪnd/ (pre) : ở phía sau, đằng sau
- between /bɪ'twi:n/ (pre) : ở giữa
- chest of drawers / ,tʃest əv 'drɔ:rz/ (n) : ngăn kéo tủ
- crazy /'kreɪ.zi/ (adj) : kì dị, lạ thường
- department store /dɪ'pɑ:rt.mənt ,stɔ:r/ (n) : cửa hàng bách hóa
- dishwasher /'dɪʃ ,wɑʃ.ər/ (n) : máy rửa bát (chén) đĩa
- furniture /'fɜ:nɪ tʃər/ (n) : đồ đạc trong nhà, đồ gỗ
- in front of /ɪn 'frʌnt əv/ (pre) : ở phía trước, đằng trước
- messy /'mes.i/ (adj) : lộn xộn, bừa bộn
- microwave /'maɪ.kroʊ.weɪv/ (n) : lò vi sóng
- move /mu:v/ (v) : di chuyển, chuyển nhà
- next to /'nekst tu/ (pre) : kế bên, ở cạnh
- under /'ʌn dər/ (pre) : ở bên dưới, phía dưới

**B. GETTING STARTED – A LOOK INSIDE**

**1. Listen and read**

**2. Tick the correct answers.**

1. parents    3. brother    4. aunt    5. cousin

**3. Complete the sentences.**

1. sister    2. TV    3. town    4. country    5. three

**4. Complete the word web: Types of house.**

town house, villa, cottage, country house, stilt house, farmhouse, flat....

**5. Survey. (Ex. 5, p. 17)**

In my group, Linh lives in a flat, Lan and Huong live in a country house, etc....

**C. A CLOSER LOOK 1**

**I. Vocabulary: Rooms and furniture pieces in the house**

**1. Look at the house. Name the rooms in it.**

a. hall    b. living room    c. bedroom    d. bathroom    e. kitchen

**2. Name the thing in each room in Ex. 1.**

Bedroom: lamp, picture, chest of drawers

- Living room: lamp, sofa, picture

- Hall: picture

- Kitchen: fridge, cupboard, dishwasher, sink

- Bathroom: shower, sink, toilet

- Other words: chair, fan, air conditioner, cooker, etc.

**3. Guessing game**

**Example:** Ss 1: What's in your room?

Ss 2: A lamp and a chest of drawers.

Ss 1: Is it the bedroom?

Ss 2: Yes.

**II. Pronunciation: /s/ and /z/**

+ Final -s is pronounced /s/ after voiceless sounds (/t/, /p/, /k/, /f/, /θ/).

+ Final -s is pronounced /z/ after voiced sounds (/b/, /d/, /g/, /n/, /m/, /l/, etc.) and any vowel sounds.

**4. Listen and repeat these words.**

- /s/: cats, lamps, books, months

- /z/: beds, dogs, cans, rooms, videos, cookers, bees

**5. Listen to the conversation. Underline the final s in the words and put them into the correct column.**

- /s/: chopsticks, lamps

- /z/: bowls, things, homes

**\* HOMEWORK**

- Learn Vocabulary & Grammar by heart.

- Do the exercises in your Workbook.

- Prepare the next lesson.

**4. MÔN VẬT LÝ 6 – TUẦN 3**

**BÀI 5: ĐO KHỐI LƯỢNG**

**I. Kiến thức cơ bản**

**1. Đơn vị và dụng cụ đo khối lượng**

**a) Đơn vị đo khối lượng**

## NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 6 - TUẦN 3

- Đơn vị đo khối lượng trong hệ thống đo lường chính thức của nước ta hiện nay là kilôgam, kí hiệu là kg. Ngoài ra còn có một số đơn vị đo khối lượng khác như:

Lớn hơn ki-lô-gam			ki-lô-gam	Nhỏ hơn ki-lô-gam		
tấn	tạ	yến	kg <i>(ki-lô-gam)</i>	hg <i>(héc-tô-gam -lạng)</i>	dag <i>(đề-ca-gam)</i>	g <i>(gam)</i>
1 tấn = 10 tạ = 1000kg	1 tạ = 10 yến = $\frac{1}{10}$ tấn = 100kg	1 yến = $\frac{1}{10}$ tạ = 10kg	1 kg = 10hg = $\frac{1}{10}$ yến	1hg = 10 dag = $\frac{1}{10}$ kg	1 dag = 10g = $\frac{1}{10}$ hg	1g = $\frac{1}{10}$ dag

- Trong thực tế chúng ta thường thấy người ta sử dụng các thuật ngữ: cân, lạng. Đây là ngôn ngữ đời sống của kg và hg. Hay 1kg = 1 cân, 1hg = 1 lạng.

- Ví dụ:      a) 5 tấn = ....5000.....kg                                      b) 20 tạ = .....2000.....kg  
                    c) 100kg = .....10.....yến    d) 6 tấn = .....600.....yến

### b) Dụng cụ đo khối lượng

- Dụng cụ đo khối lượng: cân đồng hồ, cân điện tử....

## II. Bài tập vận dụng

**Câu 1.** Quan sát các hình vẽ dưới đây, hãy chỉ ra đâu là cân tiểu ly, cân điện tử, cân đồng hồ, cân xách?



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

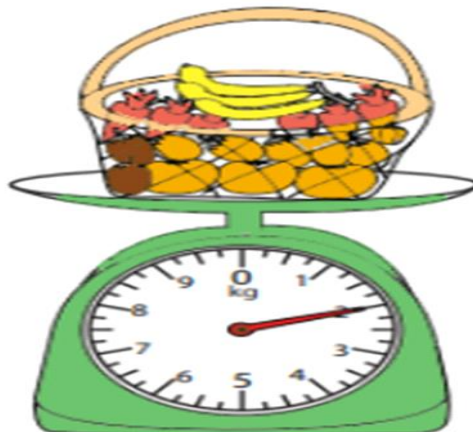
**Câu 2.** Khi mua trái cây ở chợ, loại cân thích hợp là

- A. cân tạ.                      B. cân Roberval.                      C. cân đồng hồ.                      D. cân tiểu ly.

**Câu 3.** Trong các đơn vị: tấn, yến, lạng, kilogam, đơn vị lớn nhất là

- A. tấn.                      B. yến.                      C. lạng.                      D. kilogam.

**Câu 4:** Người bán hàng sử dụng cân đồng hồ như hình bên dưới để cân hoa quả. Hãy cho biết GHĐ, ĐCNN của cân này và đọc giá trị khối lượng của lượng hoa quả đã đặt trên đĩa cân.



**Câu 5.** 1 lạng bằng bao nhiêu kilogam?

- A. 1kg .                      B. 0,1 kg.                      C. 0.01 kg.                      D. 0,001 kg.

## NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 6 - TUẦN 3

**Câu 6:** Trên một hộp mứt Tết có ghi 250g. Con số đó chỉ:

- A. sức nặng của hộp mứt.
- B. thể tích của hộp mứt.
- C. khối lượng của mứt trong hộp mứt.
- D. sức nặng của hộp mứt.

### **5. MÔN HÓA HỌC 6 – TUẦN 3**

#### **QUI ĐỊNH AN TOÀN TRONG PHÒNG THỰC HÀNH.**

#### **GIỚI THIỆU MỘT SỐ DỤNG CỤ ĐO (tt).**

#### **NỘI DUNG BÀI GHI**

**I/ Qui định an toàn khi học trong phòng thực hành: (Đã học)**

**II/ Kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành: (đã ghi)**

**III/ Giới thiệu một số dụng cụ đo:**

**1- Một số dụng cụ đo:** Thước cuộn, đồng hồ bấm giây, lực kế, nhiệt kế, pipette, bình chia độ (ống đong), cốc chia độ, Cân đồng hồ, cân điện tử. Thí dụ: H.3.3 (SGK).

**2- Cách chọn dụng cụ đo:** Khi sử dụng dụng cụ đo cần chọn dụng cụ có giới hạn đo (GHĐ – Giá trị lớn nhất ghi trên vạch chia của dụng cụ đo) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN – Hiệu giá trị đo của 2 vạch chia liên tiếp trên dụng cụ đo) phù hợp với vật cần đo, đồng thời phải tuân thủ qui tắc đo của dụng cụ đó.

#### **HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học bài
- Làm bài tập 5/17(SGK)

### **6. MÔN SINH HỌC 6 – TUẦN 3**

#### **CHỦ ĐỀ 6: TẾ BÀO – ĐƠN VỊ CƠ SỞ CỦA SỰ SỐNG**

#### **Bài 17: TẾ BÀO (tt)**

#### **A. Nội dung bài học:**

**\*. Luyện tập:**

##### **I. Trắc nghiệm:**

**Câu 1.** Một TB mẹ sau khi phân chia (sinh sản) sẽ tạo ra bao nhiêu TB con ?

- A. 2
- B. 1
- C. 4
- D. 8

**Câu 2.** Cơ thể sinh vật lớn lên chủ yếu dựa vào những hoạt động nào dưới đây?

- 1. Sự hấp thụ và ứ đọng nước trong dịch TB theo thời gian.
- 2. Sự gia tăng số lượng TB qua quá trình phân chia.
- 3. Sự tăng kích thước của từng TB do trao đổi chất.

- A. 1, 2, 3
- B. 2, 3
- C. 1, 3
- D. 1, 2

**Câu 3.** Hiện tượng nào dưới đây không phản ánh sự lớn lên và phân chia của TB?

- A. Sự gia tăng diện tích bề mặt của một chiếc lá
- B. Sự xẹp, phồng của các TB khí khổng
- C. Sự tăng dần kích thước của một củ khoai lang
- D. Sự vươn cao của thân cây tre

**Câu 4.** Sự lớn lên của TB có liên quan mật thiết đến quá trình nào dưới đây ?

- A. Trao đổi chất, cảm ứng và sinh sản
- B. Trao đổi chất
- C. Sinh sản
- D. Cảm ứng

**Câu 5.** Một TB mô phân sinh ở thực vật tiến hành phân chia liên tiếp 4 lần. Hỏi sau quá trình này, số TB con được tạo thành là bao nhiêu ?

- A. 32 TB
- B. 4 TB
- C. 8 TB
- D. 16 TB

**Câu 6.** Quá trình phân chia TB gồm hai giai đoạn là:

- A. Phân chia TB chất → phân chia nhân
- B. Phân chia nhân → phân chia TB chất.



C. Lớn lên → phân chia nhân

D. Trao đổi chất → phân chia TB chất.

**Câu 7.** Phát biểu nào dưới đây về quá trình lớn lên và phân chia của TB là **đúng** ?

A. Mọi TB lớn lên rồi đều bước vào quá trình phân chia TB.

B. Sau mỗi lần phân chia, từ một TB mẹ sẽ tạo ra 3 TB con giống hệt mình.

C. Sự phân tách chất TB là giai đoạn đầu tiên trong quá trình phân chia.

D. Phân chia và lớn lên và phân chia TB giúp sinh vật tăng kích thước, khối lượng.

**Câu 8.** Điều gì sẽ xảy ra với cơ thể nếu không kiểm soát được quá trình phân chia TB?

A. Cơ thể lớn lên thành người khổng lồ.

B. Xuất hiện các khối u ở nơi phân chia mất kiểm soát.

C. Cơ thể phát triển mất cân đối (bộ phận to, bộ phận nhỏ không bình thường).

D. Cơ thể vẫn phát triển bình thường.

## **II. Tự luận:**

1/ Từ một viên gạch không thể xây được một ngôi nhà. Nhưng từ một TB có thể xây dựng được một cơ thể. Giải thích tại sao có sự khác nhau đó?

2/ Nêu ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào với cơ thể?

3/ Giải thích được hiện tượng mọc lại đuôi ở thằn lằn? Các vết thương lồm sau một thời gian thì đầy lại ?

## **B. Luyện tập:**

- Ôn lại toàn bộ bài “ Tế bào”.

- Xem trước bài 18 : Thực hành quan sát tế bào sinh vật.

## **Tuần 3- tiết 6: THỰC HÀNH QUAN SÁT TẾ BÀO SINH VẬT**

### **A. Nội dung bài học:**

1/ Chuẩn bị: (SGK)

2/ Cách tiến hành: (SGK)


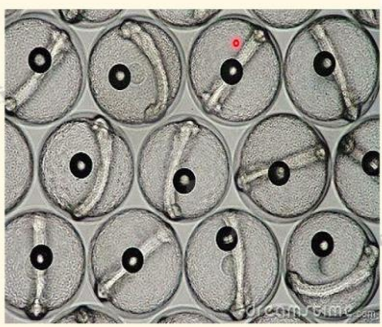
3/ Báo cáo kết quả thực hành:

a/ Vẽ và chú thích tế bào trứng cá. Tại sao khi tách trứng cá chép cần nhẹ tay.

b/ Vẽ và chú thích tế bào vảy hành.

c/ Vẽ và chú thích tế bào da ếch.

### **Hình vẽ tham khảo**

 <p>Nhân tế bào Tế bào Vách tế bào</p>	<p><b>CÂU HỎI 1 – TRANG 91</b></p> <p>Vẽ và chú thích tế bào trứng cá đã quan sát được. Tại sao khi tách trứng cá chép cần nhẹ tay?</p> <p>Khi tách trứng cá cần nhẹ tay bởi vì tế bào biểu bì của trứng cá rất mỏng</p> 
---	--

**Tế bào biểu bì vảy hành**

**Tế bào trứng cá.**

**7. MÔN LỊCH SỬ 6 – TUẦN 3**  
**BÀI 3: NGUỒN GỐC LOÀI NGƯỜI**

Nội dung bài học

**II. DẤU TÍCH CỦA NGƯỜI TỐI CỔ Ở ĐÔNG NAM Á**

- Những địa điểm tìm thấy dấu tích của người tối cổ ở Đông Nam Á: đảo Gia-va (In-đô-nê-xi-a); Pôn-đa-ung (Mi-an-ma), Ni-a (Ma-lai-xi-a); Gia Lai, Đồng Nai, Thanh Hóa, Lạng Sơn (Việt Nam),...
- Phạm vi phân bố dấu tích người tối cổ ở Việt Nam: xuất hiện ở cả miền núi và đồng bằng trên lãnh thổ của Việt Nam ngày nay.

\* Bài tập: làm bài tập 1,2,3 sgk

**BÀI 4: XÃ HỘI NGUYÊN THỦY**

**I. Các giai đoạn tiến triển của xã hội nguyên thủy**

- Xã hội nguyên thủy đã trải qua 2 giai đoạn phát triển:

+ Bầy người nguyên thủy:

- Gồm vài gia đình sinh sống cùng nhau.
- Có sự phân công lao động giữa nam và nữ.

+ Công xã thị tộc:

- Gồm các gia đình có quan hệ huyết thống sinh sống cùng nhau.
- Đứng đầu là tộc trưởng.
- Nhiều thị tộc sống cạnh nhau, có quan hệ họ hàng, gắn bó với nhau hợp thành bộ lạc.

- Đặc điểm căn bản trong quan hệ của con người với nhau thời kì nguyên thủy: con người ăn chung, ở chung và giúp đỡ lẫn nhau.

**II. Đòi sống vật chất của người nguyên thủy**

1. Lao động và công cụ lao động

- Lao động là quá trình tìm kiếm thức ăn nuôi sống con người.
- Nguồn thức ăn nhiều hơn->. Đòi sống vật chất được cải thiện
- Nhờ có lao động mà con người biết chế tác công cụ, bộ não phát triển, chân tay khéo léo
- Công cụ: Hòn cuội -> mảnh tước- > ghè đẽo-> Mài

=>Việc cải tiến công cụ lao động và lao động đã ảnh hưởng đến sự phát triển của con người và xã hội nguyên thủy: Nhờ cải tiến công cụ lao động, đôi bàn tay dần trở nên khéo léo hơn, cơ thể cũng dần biến đổi để thích ứng với các tư thế lao động. Con người đã từng bước tự cải biến và hoàn thiện mình

**8. MÔN ĐỊA LÝ 6 – TUẦN 3**

**BÀI 1. HỆ THỐNG KINH, VĨ TUYẾN. TỌA ĐỘ ĐỊA LÍ (Tiếp theo)**

**III. Lưới kinh vĩ tuyến của bản đồ thế giới**

Hình	Nội dung
1.3a	- Kinh tuyến là những đường thẳng song song cách đều nhau - Vĩ tuyến cũng là những đường thẳng song song. - Các kinh tuyến, vĩ tuyến vuông góc với nhau.
1.3b	- Kinh tuyến là những đường thẳng tỏa ra theo hình nan quạt. - Vĩ tuyến là những cung tròn đồng tâm. - Tâm của các vĩ tuyến cũng chính là điểm gặp nhau của các đường kinh tuyến.
1.3c	- Kinh tuyến là những đường thẳng tỏa ra từ điểm cực.

## NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 6 - TUẦN 3

- Vĩ tuyến là những vòng tròn đồng tâm mà tâm là nơi gặp nhau của các kinh tuyến.
---

### **Bài tập**

Dựa vào hình 1.4, em hãy hoàn thành các nhiệm vụ sau:

1. Miêu tả đặc điểm lưới kinh, vĩ tuyến của bản đồ trên.
2. Tìm trên bản đồ các vĩ tuyến và ghi vĩ độ của các vĩ tuyến đó.
  - Vòng cực Bắc, Vòng cực Nam.
  - Chí tuyến Bắc, Chí tuyến Nam.
3. Xác định tọa độ địa lí của các điểm A,B,C,D.

### **Hướng dẫn về nhà**

Tìm hiểu trước bài 2: Kí hiệu và chú giải trên một bản đồ thông dụng

## **9. MÔN CÔNG NGHỆ 6 – TUẦN 3**

### **BÀI 2. XÂY DỰNG NHÀ Ở (T1)**

#### **I. VẬT LIỆU LÀM NHÀ**

Trong xây dựng nhà ở một liệu đóng một vai trò quan trọng nó ảnh hưởng đến tuổi thọ, chất lượng và tính thẩm mỹ của công trình. Để xây dựng nhà ở cần sử dụng những loại vật liệu khác nhau.

- **Bài tập:**  
Đọc nội dung bài 2, Phần I SGK.

## **10. MÔN GDCD 6 – TUẦN 3**

### **BÀI 2: YÊU THƯƠNG CON NGƯỜI (3 tiết)**

#### **Nội dung bài học**

#### **1. Yêu thương con người và biểu hiện của tình yêu thương con người**

##### **\*. Thế nào là yêu thương con người.**

- *Khái niệm: Yêu thương con người là quan tâm, giúp đỡ và làm những điều tốt đẹp cho người khác, nhất là những lúc gặp khó khăn, hoạn nạn.*

##### **\*Biểu hiện của tình yêu thương con người.**

- + *Yêu thương con người được thể hiện ngay ở những lời nói, việc làm và thái độ của môi con người trong cuộc sống hàng ngày.*
- + *Yêu thương con người được thể hiện bằng những việc làm cụ thể ở trong gia đình, nhà trường và ngoài xã hội*
- + *Tình yêu thương con người thể hiện ở sự đồng cảm, chia sẻ, sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau; tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện; biết tha thứ cho lỗi lầm của người khác; khi cần thiết có thể hi sinh quyền lợi của bản thân vì người khác;...*

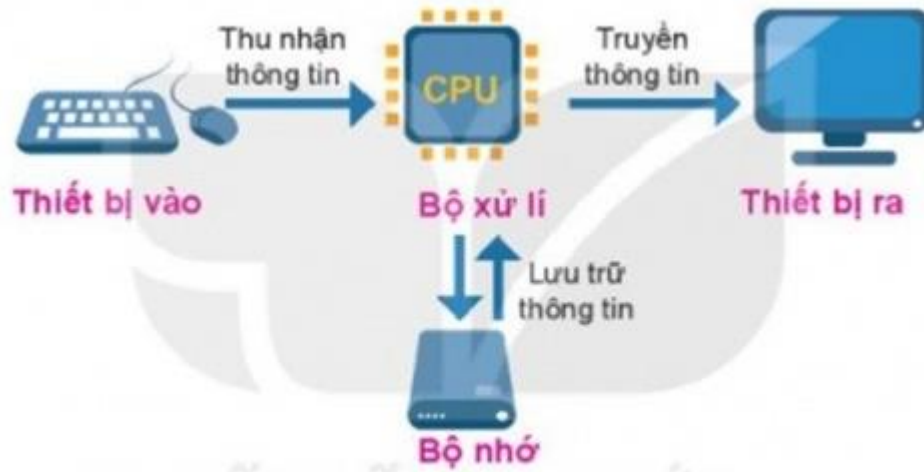
## **11. MÔN TIN HỌC 6 – TUẦN 3**

### **Bài 2. XỬ LÝ THÔNG TIN**

#### **I. Kiến thức cơ bản**

#### **2. Xử lý thông tin trong máy tính**

- Máy tính có đủ bốn thành phần thực hiện các hoạt động xử lý thông tin: Thiết bị vào( thu nhận thông tin), bộ nhớ( lưu trữ thông tin), bộ xử lí(xử lý thông tin) và thiết bị ra( truyền, chia sẻ thông tin).



Hình 1.2. Các hoạt động xử lý thông tin của máy tính

- Máy tính là thiết bị hỗ trợ con người xử lý thông tin một cách hiệu quả do nó có thể thực hiện nhanh các lệnh, tính toán chính xác, xử lý nhiều dạng thông tin, lưu trữ thông tin với dung lượng lớn và hoạt động bền bỉ.

## **II. Bài tập vận dụng**

**Bài tập 1.** Giả sử em được đi chơi xa nhà, em hãy phân tích các hoạt động xử lý thông tin liên quan đến việc lên kế hoạch cho chuyến đi

**Bài tập 2.** Em hãy liệt kê những lợi ích của máy tính ở một trong các lĩnh vực sau đây để thấy rõ hiệu quả của việc xử lý thông tin bằng máy tính

- a) Y tế.      b) Giáo dục.      c) Âm nhạc.      d) Hội họa.  
e) Xây dựng.      F) Nông nghiệp.      g) Thương mại.      h) Du lịch.

## **12. MÔN ÂM NHẠC 6 – TUẦN 3**

### **CÁC THUỘC TÍNH CƠ BẢN CỦA ÂM THANH CÓ TÍNH NHẠC**

#### **BÀI ĐỌC NHẠC SỐ 1**

Phần nội dung hs ghi bài

#### **1/ Quan sát, lắng nghe và mô tả âm thanh**

- + Tìm hiểu các thuộc tính cơ bản của âm thanh có tính nhạc
- Âm thanh có 4 thuộc tính: Cao độ, Trường độ, Cường độ, Âm sắc
- + Cao độ: Độ cao thấp, trầm bổng của âm thanh.
- + Trường độ: Độ ngân dài ngắn của âm thanh.
- + Cường độ: Độ mạnh, nhẹ hoặc to, nhỏ của âm thanh.
- + Âm sắc: Là sắc thái khác nhau của âm thanh các loại nhạc cụ (tiếng sáo, tiếng đàn,,,) và giọng hát

#### **2/ Bài đọc nhạc số 1**

Cô yêu cầu hs nhìn và nhận dạng tên nốt nhạc ở bài đọc nhạc số 1  
(phần này hs mở trên youtube nghe bài đọc nhạc số 1 và đọc theo)

## **13. MÔN MỸ THUẬT 6 – TUẦN 3**

### **Chủ đề 1: Biểu cảm của sắc màu**

#### **Bài 2: TRANH TĨNH VẬT MÀU (Tiết 1)**

(Nội dung mỹ thuật tạo hình)

#### **I. Khám phá tranh tĩnh vật màu:**

- Học sinh nhận biết được hòa sắc và cách diễn tả màu trong mỗi bức tranh.
- HS quan sát tranh 1, 2, 3, 4 trang 10 và trả lời 2 câu hỏi trong SGK.

**II. Cách vẽ tranh tĩnh vật màu:**

- Tranh tĩnh vật đem lại cho người thưởng thức những tình cảm nhẹ nhàng về thiên nhiên và cuộc sống.
- Có nhiều cách để diễn tả cảm xúc trong tranh tĩnh vật.
- Các bước vẽ tranh tĩnh vật màu:
  - + Bước 1: xác định bố cục, tỉ lệ, vị trí hình các vật mẫu và vẽ phác hình.
  - + Bước 2: vẽ màu khái quát tạo hòa sắc chung của bức tranh.
  - + Bước 3: vẽ thêm nét, màu thể hiện cảm xúc và đặc điểm của vật mẫu.

**III. Vẽ tranh tĩnh vật màu:**

- Lựa chọn vị trí quan sát để có bố cục hợp lí cho bài vẽ.
- Thực hiện vẽ tranh tĩnh vật màu theo ý thích.

**IV. Trưng bày sản phẩm và chia sẻ:**

- Trưng bày sản phẩm của cá nhân /của nhóm.
- Phân tích và chia sẻ cảm nhận về bố cục, nét, hình trong bài vẽ tĩnh vật màu.

**V. Ứng dụng với tranh tĩnh vật hoa quả:**

HS đưa ra những ý tưởng về ứng dụng tranh tĩnh vật hoa quả (bài vẽ của mình) trong cuộc sống.

-----  
**14. MÔN THỂ DỤC 6 – TUẦN 3**  
**CHỦ ĐỀ 1: CHẠY CỰ LI NGẮN (60m)**  
**BÀI 2: CHẠY GIỮA QUĂNG**

**NỘI DUNG:**

- Làm quen với nội dung và yêu cầu của giai đoạn chạy giữa quăng trên đường thẳng.

**NỘI DUNG BÀI HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:**

**\*Nội dung :**

**Hoạt động 1: Chạy giữa quăng**

**a. Mục tiêu:** Thông quan hoạt động, HS biết chạy giữa quăng

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi, tập theo hiệu lệnh.

**2. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:**

**1. Chạy giữa quăng**

- Chạy giữa quăng là một trong bốn giai đoạn của chạy cự li ngắn (xuất phát, chạy lao sau xuất phát, chạy giữa quăng, chạy về đích); là giai đoạn duy trì tốc độ cao nhất đã đạt được sau khi xuất phát và chạy lao.

- Tư thế thân người và hoạt động của tay khi chạy giữa quăng:

+ Thân trên hơi ngả ra trước, đầu thẳng, mắt nhìn phía trước.

+ Hai tay luân phiên chuyển động: Chéch vào trong khi ra trước, chéch ra ngoài khi ra sau.

- Luân phiên hoạt động của chân trong mỗi bước chạy:

+ Khi ở phía trước, tích cực đưa đùi lên trên, ra trước và chạm đất bằng nửa trước bàn chân.

+ Khi ở phía sau, kết hợp duỗi và đạp mạnh lên mặt đường chạy để đưa cơ thể tiến nhanh về phía trước.

Động tác sai thường gặp :

+ Tư thế của đầu và thân trên không phù hợp: Quá ngửa hoặc cúi.

+ Hướng chuyển động của tay và góc độ đánh tay không phù hợp.

+ Bàn chân tiếp xúc đường chạy bằng gót hoặc đồng thời bằng cả bàn chân.

+ Đạp sau không hiệu quả.

**3. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:**

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.

**CHỦ ĐỀ 3: CHẠY CỤ LI TRUNG BÌNH**

**BÀI 2: CHẠY GIỮA QUĂNG TRÊN ĐƯỜNG THẲNG, ĐƯỜNG VÒNG**

**NỘI DUNG:**

**Hoạt động 1: Kỹ thuật chạy giữa quăng trên đường thẳng**

biết kỹ thuật chạy giữa quăng trên đường thẳng

**NỘI DUNG BÀI HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:**

- GV sử dụng hình ảnh trực quan, động tác mẫu giới thiệu cấu trúc, yêu cầu và cách thức thực hiện động tác chạy giữa quăng trên đường thẳng.
- GV hướng dẫn đồng loạt HS thực hiện các động tác bổ trợ theo động tác mẫu của GV.
- GV chỉ dẫn một số sai sót đơn giản thường gặp trong luyện tập.

**2. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:**

**1. Kỹ thuật chạy giữa quăng trên đường thẳng**

- Thân người hơi ngả ra trước, đầu thẳng. mắt nhìn phía trước.
- Hoạt động của tay: Chéch vào trong khi ra trước, chéch ra ngoài khi ra sau.
- Hoạt động của chân:
  - + Khi ra trước: Tích cực đưa đùi lên trên, ra trước và chạm đất bằng nửa trước bàn chân.
  - + Khi ở phía sau: Kết hợp duỗi và đạp mạnh lên đường chạy để đưa cơ thể tiến ra trước.
- Phối hợp hoạt động của tay và chân: Luân phiên đánh tay theo hướng trước, sau ngược với chiều chuyển động của chân cùng bên
- Luôn duy trì đều nhịp thở trong quá trình chạy.

**3. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:**

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.